TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 573/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Chung

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Tiến Nam – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vi Hồng T, sinh năm 1994; Địa chỉ cư trú: Số 210 đường Kênh, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Đình C, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Số 78M, ô 18, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị T và anh C có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 06-11-2023, bản tự khai ngày 08-11-2023, nguyên đơn là chị Vi Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N vào ngày 12-11-2012. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi nhau. Anh chị đã tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên nhiều năm nay vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Trần Đình C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 03-12-2012 hiện đang ở với chị. Quan điểm của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: chị và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn đề nghị ngày 01-12-2023 có chứng thực của UBND xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông bị đơn là anh Trần Đình C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện kết hôn như chị Vi Hồng T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù hai bên đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau. Chị T đã nói chuyện với anh về việc giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là nhất trí ly hôn với chị T. Do tính chất công việc nên anh mới chuyển công tác về số 52 thôn Đ, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông, anh và chị T nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố N là nơi giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị T.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 1 con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu đang ở với chị T. Về cấp dưỡng nuôi con: anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Tại đơn trình bày ngày 08-11-2023 cháu Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 03-12-2012 trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.*

4. Tại biên bản xác minh ngày 27-11-2023 tổ trưởng tổ dân phố số 4 phường H, thành phố N cung cấp: Chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND phường H, thành phố N. Anh C có đăng ký thường trú tại 78M, ô 18, phường H, thành phố N nhưng hiện tại cả anh C và chị T không

sống chung với nhau ở địa chỉ này. Chính quyền địa phương không biết về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh chị có 01 con chung là Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 03-12-2012.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C. Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 03-12-2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố N vào năm 2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói

chung trong cuộc sống. Mặc dù anh chị đã tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị T và anh C có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C.

2.2 Về con chung: Chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C có 01 con chung là Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 03-12-2012. Xét thấy chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, chị T và anh C đều có quan điểm thống nhất giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử giao cháu Trần Ngọc Minh C cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Vi Hồng T là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C.

2. Về con chung: Giao cho chị Vi Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Trần Ngọc Minh C, giới tính: Nữ, sinh ngày 03-12-2012. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Vi Hồng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001772 ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Chị Vi Hồng T và anh Trần Đình C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường H;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền